TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS - ST
Ngày 16 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 244/2024/TLST - HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo: **Vũ Quang Đ,** sinh ngày 20/6/1991; Nơi cư trú: số nhà E, ngõ G, đường N, tổ B + 22, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quang K và bà Phan Thị H; Bị cáo: chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: bản án số 188/2015/HSST ngày 05/11/2015 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Quang Đ 05 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/1/2016, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 02/6/2016. (Thực hiện hành vi trộm cắp ngày 08/8/2015); bản án số 17/2019/HSST ngày 13/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt Vũ Quang Đ 30 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc Đ phải trả lại cho anh Đặng Đình N số tiền 21.000.000

đồng. Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự 1.050.000 đồng. (Thực hiện hành vi lừa đảo ngày 17/12/2016); Bản án số 48/2019/HSST ngày 04/3/2019 Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Quang Đ 24 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Thực hiện hành vi trộm cắp ngày 31/11/2018). Quyết định tổng hợp hình phạt số 01 ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tổng hợp hình phạt của bản án số 48/2019/HSST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và bản án số 17/2019/HSST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, buộc Vũ Quang Đ phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2023. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 48/2019/HSST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội vào ngày 09/9/2019. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của bản án 17/2019/HSST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định vào ngày 28/8/2019. Chấp hành xong số tiền 21.000.000 đồng ngày 15/6/2021. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

***** *Bị hại:* Anh Lại Thế S, sinh năm 1974; Nơi cư trú: tổ B, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1963; Nơi cư trú: số nhà E, ngõ G, đường N, tổ B + 22, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt);

** Người làm chứng:*

- Anh Dương Văn A, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu năm 2023, Vũ Quang Đ quen biết với anh Lại Thế S, sinh năm 1974, trú tại tổ B, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đầu tháng 7/2024, do anh S bị quên mật khẩu đăng nhập vào tài khoản ngân hàng V của anh S nên anh S rủ Đ đến ngân hàng V chi nhánh T1 để làm thủ tục lấy lại mật khẩu. Quá trình anh S đổi mật khẩu thì Đ biết được mật khẩu tài khoản ngân hàng V số tài khoản 9913537286 của anh S là "Son123456@". Do không có tiền tiêu sài cá nhân, đồng thời biết được mật khẩu tài khoản ngân hàng của anh S nên Đ đã nảy sinh ý định mượn điện thoại của anh S để đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của anh S mục đích chiếm đoạt tiền trong tài

khoản. Đ đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh S, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 09/7/2024, Đ gọi điện thoại rủ anh S đi uống bia, anh S đồng ý. Khi đi đến khu vực đường T, phường B, thành phố T Đ hỏi mượn điện thoại của anh S thì anh S lấy điện thoại, nhập mật khẩu mở máy rồi đưa cho Đ. Đ cầm điện thoại, mở ứng dụng Ngân hàng V và đăng nhập mật khẩu "Son123456@". Khi đăng nhập được vào ứng dụng Đ kiểm tra số dư tài khoản thấy có 14.000.000 đồng nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của anh S. Do trước đây có một số lần Đ nhờ anh Dương Văn A, sinh năm 1995, trú tại thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình để chuyển tiền nên Đ biết được số tài khoản và số điện thoại của anh A sử dụng. Đ vào mục chuyển tiền và thực hiện chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản của anh S đến số tài khoản 19034957028015 của anh A mở tại Ngân hàng T2. Khi số điện thoại của anh S nhận được mã OTP để xác nhận giao dịch thì Đ mở tin nhắn lấy mã OTP và xác nhận giao dịch chuyển tiền. Khi ứng dụng xác định giao dịch chuyển tiền thành công thì Đ thoát ứng dụng ngân hàng và xoá tin nhắn gửi mã OTP của ngân hàng. Sau đó Đ trả điện thoại cho anh S rồi Đ dùng điện thoại của Đ lắp sim số 0967.875.115 nhắn tin cho anh A số điện thoại 0976.946.166 với nội dung "ông anh em chuyển cho anh 5 triệu". Sau đó Đ và anh S đi uống bia. Do Đ đã thoát ứng dụng và xoá tin nhắn mã OTP nên anh S không biết được Đ đã chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của anh S. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại của anh A tại số B, đường T, tổ A+20, phường T, thành phố T mục đích để lấy số tiền 5.000.000 đồng đã chiếm đoạt của anh S. Khi Đ đến cửa hàng gặp anh A trao đổi mua 01 chiếc điện thoại di động với giá 1.100.000 đồng số tiền còn lại là 3.900.000 đồng Đ bảo anh A chuyển vào tài khoản Ngân hàng MB số tài khoản 0967875115 của Đ. Sau đó Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ, ngày 14/7/2024 Đ ngồi uống bia với anh S tại khu vực trường tiểu học M thuộc phường B, thành phố T. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên Đ tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của anh S. Với thủ đoạn như trên, Đ mượn điện thoại di động của anh S, đăng nhập mật khẩu vào tài khoản Ngân hàng V và chuyển số tiền 6.000.000 đồng đến số tài khoản 19034957028015 mở tại ngân hàng T2 của anh A. Sau đó Đ thoát ứng dụng, xoá tin nhắn gửi mã OTP và trả lại điện thoại cho anh S. Đ gọi điện thoại cho anh A để trao đổi về nội dung "ông anh em Lại Thế S chuyển cho anh 6 triệu". Sau khi uống bia xong thì Đ đến quán điện thoại của anh A để lấy số tiền đã chiếm đoạt của anh S. Khi đến cửa hàng điện thoại thì Đ nói với anh A sẽ lấy số tiền mặt là 1.100.000 đồng, số tiền còn lại là 4.900.000 đồng thì

Đ bảo anh A chuyển vào tài khoản Ngân hàng MB số tài khoản 0967875115 của Đ. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 06/CT- VKSTPTB ngày 24/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Vũ Quang Đ về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 06/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 290; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Quang Đ phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Quang Đ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 10/10/2024).

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của bà Phan Thị H (là mẹ đẻ của bị cáo Đ) cho bị hại là anh Lại Thế S số tiền là 11.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu bị cáo Đ trả lại bà số tiền trên nên không phải giải quyết. Ngoài ra đề nghị xử lý về án phí.

Bị cáo Vũ Quang Đ nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục. Bị cáo, bị hại không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Lại Thế S ; sao kê chứng từ giao dịch của tài khoản ngân hàng V số tài khoản 9913537286, chủ tài khoản Lại Thế S; sao kê chứng từ giao dịch của tài khoản ngân hàng T2 số tài khoản 19034957028015, chủ tài khoản Dương Văn A; sao kê chứng từ giao dịch của tài khoản ngân hàng M1 số tài khoản 0967875115, chủ tài khoản Vũ Quang Đ; lời khai của anh Dương Văn A và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền tiêu sài cá nhân, đồng thời do biết được mật khẩu ứng dụng tài khoản ngân hàng V của anh Lại Thế S, sinh năm 1974, trú tại tổ B, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ngày 09/7/2024 Vũ Quang Đ đã mượn điện thoại di động của anh S rồi thực hiện hành vi trực tiếp đăng nhập vào ứng dụng tài khoản ngân hàng của anh S chuyển số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 14/7/2024, Đ tiếp tục mượn điện thoại của anh S rồi chuyển số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền 02 lần chuyển chiếm đoạt của anh S là 11.000.000 đồng, Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo Vũ Quang Đ là người đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm b,g khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự. **Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản**. *1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...**b) Phạm tội 02 lần trở lên;...g) Tái phạm nguy hiểm.**..5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo sử dụng thông tin về tài khoản và truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của anh S 02 lần nhằm chiếm đoạt tài sản của anh S là 11.000.000 đồng. Hành vi

phạm tội của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác đồng thời xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã có 03 tiền án

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo", "Mẹ bị cáo là bà Phan Thị H đã bồi thường thiệt hại thay bị cáo cho bị hại 11.000.000 đồng" theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo chiếm đoạt nhằm mục đích tiêu sài cá nhân, bị cáo làm nghề phụ xe có thu nhập ổn định nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Mẹ bị cáo là bà H thỏa thuận bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại anh Lại Thế S số tiền 11.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền 11.000.000 đồng nên không giải quyết. Xét sự thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

[7]. Đối với vấn đề khác của vụ án: Đối với chiếc điện thoại di động bị cáo dùng tiền chiếm đoạt được của anh S để mua tại cửa hàng điện thoại của anh A, bị cáo đã bán cho một người không quen biết ở thành phố Hà Nội được 1.200.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với anh Dương Văn A, sinh năm 1995, trú tại thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình: Do quen biết với Vũ Quang Đ là khách quen thường xuyên sửa chữa điện thoại tại cửa hàng và nhiều lần Đ xin nhờ chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng nên khi anh A nhận được số tiền 11.000.000 đồng từ tài khoản của anh Lại Thế S và thấy tin nhắn của Đ nhờ nhận tiền chuyển khoản hộ nên anh A không biết số tiền trên là do Đ thực hiện hành vi phạm tội mà có. Bản thân anh A

không được hưởng lợi gì từ số tiền trên. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý đối với anh Dương Văn A là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Bị cáo Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, g khoản 2, khoản 5 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Quang Đ phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Vũ Quang Đ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 10/10/2024).

2.2. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Quang Đ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của Phan Thị bà H (mẹ bị cáo Đ) cho bị hại là anh Lại Thế S số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Bà H không yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền 11.000.000 đồng nên không giải quyết. Các bên đã thanh toán xong số tiền trên.

4. Về án phí: Bị cáo Vũ Quang Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2025). Bị hại anh Lại Thế S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị T

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh